

Công khai CLGD 2023-2024

Viết bởi Quynh nhà trường

Thứ hai, 09 Tháng 9 2024 00:00 - Lần cập nhật cuối Thứ tư, 16 Tháng 4 2025 14:02

SỞ GD&ĐT QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT CHUYÊN
LÊ THÁNH TÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Biểu mẫu 8

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về kết quả giáo dục thực tế năm học trước
của Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông (năm học 2023-2024)

STT	Loại lớp	Tổng số lớp	Chia ra					
			Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	
			SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
1	TỔNG SỐ	25	9	36%	8	32%	8	32%
1.1	Lớp có HS khuyết tật học hòa nhập							
1.2	Lớp học 2 buổi/ngày							
2	SỐ LỚP THEO HỆ CHUYÊN							
2.1	Chuyên Ngữ văn	3	1	33.33	1	33.33	1	33.33
2.2	Chuyên Lịch sử	3	1	33.33	1	33.33	1	33.33
2.3	Chuyên Địa lý	1	1	100.00	0	0.00	0	0.00
2.4	Chuyên Tiếng Anh	3	1	33.33	1	33.33	1	33.33
2.5	Chuyên Toán	3	1	33.33	1	33.33	1	33.33
2.6	Chuyên Vật lý	3	1	33.33	1	33.33	1	33.33
2.7	Chuyên Hóa học	3	1	33.33	1	33.33	1	33.33
2.8	Chuyên Sinh học	3	1	33.33	1	33.33	1	33.33
2.9	Chuyên Tin học	3	1	33.33	1	33.33	1	33.33

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông Theo thông tư 22

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	592	313	279	
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	100,00%	100,00%	100,00%	
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	0,00%	0,00%	0,00%	
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0,00%	0,00%	0,00%	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0,00%	0,00%	0,00%	
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	592	313	279	
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	99,16%	99,04%	99,28%	
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	0,84%	0,96%	0,72%	
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0,00%	0,00%	0,00%	2 / 7
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0,00%	0,00%	0,00%	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	592	313	279	

Công khai CLGD 2023-2024

Viết bởi Quản trị nhà trường

Thứ hai, 09 Tháng 9 2024 00:00 - Lần cập nhật cuối Thứ tư, 16 Tháng 4 2025 14:02

Công khai CLGD 2023-2024

Viết bởi Quynh Truong nhà trường
Thứ hai, 09 Tháng 9 2024 00:00 - Lần cập nhật cuối: Thứ tư, 16 Tháng 4 2025 14:02

a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với Tổng số)	72,97%	71,88%	74,19%	
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với Tổng số)	26,18%	27,16%	25,09%	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%	0,00%	0,00%	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%	0,00%	0,00%	
4	Chuyển trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%	0,00%	0,00%	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%	0,00%	0,00%	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%	0,00%	0,00%	
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi	443	203	240	
1	Cấp tỉnh	443	203	240	
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nữ	359	192	167	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	5	3	2	

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông Theo thông tư 58

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	274			274
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	100,00%			100,00%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%			0,00%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%			0,00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%			0,00%
II	Số học sinh chia theo học lực	274			274
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	99,64%			99,64%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0,36%			0,36%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%			0,00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%			0,00%
5	Không đạt yêu cầu (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%			0,00%

Công khai CLGD 2023-2024

Viết bởi Quynh Truong

Thứ hai, 09 Tháng 9 2024 00:00 - Lần cập nhật cuối Thứ tư, 16 Tháng 4 2025 14:02

Công khai CLGD 2023-2024

Viết bởi Quynh Truong nhà trường
Thứ hai, 09 Tháng 9 2024 00:00 - Lần cập nhật cuối: Thứ tư, 16 Tháng 4 2025 14:02

a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	99,64%			99,64%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	0,36%			0,36%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%			0,00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%			0,00%
4	Chuyển trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%			0,00%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%			0,00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%			0,00%
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh	87			87
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	1			1
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	274			274
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	274			274
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học	274			
VIII	Số học sinh nữ	153			153
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0			0

Hội An, ngày 01 tháng 9 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Lê Thành Vinh

Công khai CLGD 2023-2024

Viết bởi Quynh Truong

Thứ hai, 09 Tháng 9 2024 00:00 - Lần cập nhật cuối Thứ tư, 16 Tháng 4 2025 14:02
